

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T D
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2022
V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Moong Công Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Quang

Ông Trần Đình Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lô Quốc Ất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2022/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị V Th S, sinh năm 1982 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản C, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Anh V V Ch. Sinh năm 1980 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Bản C, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị V Th S trình bày:

Tình cảm: Chị S và anh V V Ch tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2004. Chị S và anh Ch đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 03 tháng 3 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do, vợ chồng sống tính cách

không hợp nhau, trong cuộc sống phát sinh quá nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên, xúc phạm nhau thậm tệ, gia đình khuyên can rất nhiều lần nhưng anh Ch không thay đổi, chị S chuyển về sinh sống tại bản T H, xã T Q, huyện T D, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị S có nguyện vọng ly hôn để ổn định cuộc sống và công việc.

Con chung: Chị S và anh Ch có 02 con chung các cháu là V V K, sinh ngày 27/05/2001 và cháu V Th M T sinh ngày 13/11/2009 hiện nay cháu V V K đang ở cùng với anh Ch tại bản C, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An và cháu V Th M T đang ở với chị tại bản T H, xã T Q huyện T D. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị xin được nuôi cháu V Th M T còn cháu V V K giờ cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên cũng tùy theo nguyện vọng cháu muốn ở với ai và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng tiền nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh V V Ch trình bày:

Về tình cảm: Anh Ch và chị V Th S tìm hiểu nhau được một thời gian thì kết hôn vào năm 2004. Anh Ch và chị S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An vào ngày 03 tháng 3 năm 2004 trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2019, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng sống tính cách không hợp nhau, vợ chồng cũng có cãi vã nhau nhưng chưa đến mức thậm tệ. Anh Ch đang còn tình cảm với chị S nên không đồng ý ly hôn, muốn cùng chị S xây dựng hạnh phúc gia đình, chăm sóc con cái.

Về con chung: Anh Ch và chị S có 02 con chung các cháu tên là V V K, sinh ngày 27/05/2001 và cháu V Th M T, sinh ngày 13/11/2009 hiện nay cháu V V K đang ở cùng với anh Ch và bà nội tại bản C, xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An và cháu V Th M T đang ở với chị S tại bản T H, xã T Q, huyện T D nếu ly hôn anh Ch có nguyện vọng cháu V Th M T do chị S chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, con cháu V V K đã đủ tuổi trưởng thành nên cũng tùy thuộc vào nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng anh Ch và chị S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Ch chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản lấy lời khai ngày 06/10/2022 cháu V Th M T trình bày: Cháu Tuyết có nguyện vọng ở với chị S và không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn, bị đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị V Th S cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho chị V Th S được ly hôn với anh V V Ch; Con Chung: Giao cháu V Th M T, sinh ngày 13/11/2009 cho chị S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ch; cháu V V K, sinh ngày 27/05/2001 đã trưởng thành nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Chị S phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh V V Ch có hộ khẩu thường trú tại bản C, xã T Th huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị V Th S và bị đơn anh V V Ch thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Ch kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã T Th, huyện T D, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/03/2004 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

- Tình cảm: Chị S và anh Ch có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị S và anh Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Còn anh Ch trình bày chị S có mối quan hệ với người khác, không quan tâm đến chồng con. Vợ chồng đã sống ly thân 3 năm nay, không quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nhưng anh Ch vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị S đã không còn tình cảm với anh Ch. Vợ chồng đã sống ly thân và hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nguyên vọng vợ chồng đoàn tụ của anh Ch là chính đáng nhưng anh Ch không có biện pháp cải thiện tình

cảm vợ chồng. Do đó nếu buộc anh, chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Vi Thị Siêu.

- Con chung: Chị S và anh Ch có 02 con chung các cháu tên là V Th M T sinh ngày 13/11/2009 và cháu V V K, sinh ngày 27/05/2001 nay đã đủ tuổi trưởng thành không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự. Chị S và anh Ch thống nhất giao cháu V Th M T cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ch, cháu Tuyết có nguyện vọng ở với chị S. Xét thấy nguyện vọng của các bên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận nguyện vọng của các bên là phù hợp

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị V Th S và anh Ch chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 47 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị V Th S được ly hôn với anh V V Ch.

2. Con chung:

+ Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu V Th M T, sinh ngày 13/11/2009 cho chị V Th S trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.

+ Cháu V V K, sinh ngày 27/05/2001 nay đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ch;

- Anh Ch có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Án phí: Buộc chị V Th S phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010688 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi

cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã T Th;
- Lưu Vp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Moong Công Hải